

Nghiên cứu và lựa chọn một số phương pháp dạy học tích cực để ứng dụng vào giảng dạy một số môn lý thuyết cho sinh viên khoa giáo dục thể chất, Đại học Huế

TS. Lê Anh Dũng ■

TÓM TẮT:

Hiệu quả của quá trình dạy học chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, một trong những yếu tố quan trọng đó là phương pháp dạy học (PPDH). Mục đích của nghiên cứu của đề tài là lựa chọn một số PPDH tích cực nhằm nâng cao hiệu quả dạy học ở một số môn học lý thuyết cho sinh viên (SV) Khoa Giáo dục thể chất (GDTC), Đại học Huế. Đề tài tiến hành ứng dụng một số PPDH tích cực áp dụng vào đối tượng thực nghiệm (TN) là SV Lớp Thể chất Khóa 10 Khoa GDTC, Đại học Huế tổng số có 118 SV.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tính hiệu quả và tính khả thi khi vận dụng PPDH tích cực trong quá trình dạy học môn lý thuyết, việc vận dụng PPDH tích cực giúp SV không những nắm vững kiến thức về mặt lý luận, thực tiễn mà còn giúp SV phát triển năng lực tư duy tích cực, biết cách phát hiện, giải quyết tình huống, phát huy người học khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề.

Từ khóa: Phương pháp dạy học, giáo dục thể chất, SV.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới PPDH là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của ngành Giáo dục mọi quốc gia, mọi thời đại để đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của xã hội, việc đổi mới PPDH để học sinh chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập là một vấn đề cần thiết và không thể thiếu được. Bởi, chỉ có đổi mới PPDH, chúng ta mới góp phần khắc phục những biểu hiện trì trệ nghiêm trọng trong giáo dục hiện nay; chỉ có đổi mới PPDH chúng ta mới góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và chỉ có đổi mới PPDH chúng ta mới tham gia được vào “sân chơi” quốc tế trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và tiếp cận PP giáo dục mới theo quan điểm giáo dục hiện đại.

ABSTRACT:

The effectiveness of the teaching process is influenced by many factors, one of the important factors is teaching methods. The purpose of this study is that we choose some active teaching methods to improve teaching efficiency in some theoretical subjects for students of the Faculty of Physical Education, Hue University. We applied some active teaching methods to the experimental objects which are the students at class Physical Education Course 10, Faculty of Physical Education, Hue University with a total of 118 students.

Researching results show that the effectiveness and feasibility of applying active teaching methods in theoretical teaching process, applying active teaching methods helps students not only master the knowledge about theory and practice, but also helps students develop the ability to think positively, know how to detect and solve situations, promote learners' ability to self-study and self-solve problems.

Keywords: Teaching methods, physical education, students.

Vì những lẽ đó, việc đổi mới PPDH hiện nay không chỉ là phong trào mà còn là một yêu cầu bắt buộc với mọi giáo viên. Việc nghiên cứu hệ PPDH tích cực là một hướng đi đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu trên. Hệ PPDH tích cực đã được một số học giả ngoài nước và trong nước đề cập, đã được một số giảng viên vận dụng ở một số môn khoa học cơ bản.

Bộ môn Lý luận chuyên ngành Khoa GDTC, Đại học Huế những năm gần đây đã cố gắng vận dụng một số biện pháp phát huy tính tích cực, chủ động của SV trong quá trình học tập nhưng đó là những bước đi tìm tòi, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên hiệu quả chưa cao và chưa có tính phổ biến. Thực tế việc áp dụng các PPDH tích cực còn hạn chế. Để nâng cao hiệu quả chất lượng dạy học một số môn lý thuyết tại

Khoa GDTC đề tài tiến hành nghiên cứu vấn đề này.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, thực nghiệm sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn một số PPDH tích cực ứng dụng vào giảng dạy một số môn Lý thuyết tại Khoa GDTC - Đại học Huế

Để có cơ sở lựa chọn được một số PPDH tích cực áp dụng vào giảng dạy cho SV Khoa GDTC, Đại học Huế đề tài tiến hành phỏng vấn 16 giáo viên giảng dạy lâu năm tại Khoa GDTC, Đại học Huế về các PP đã ứng dụng trong quá trình dạy học và kết quả cụ thể: PP thuyết trình 16/16 (tỷ lệ 100%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP trực quan 13/16 (tỷ lệ 81.25%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP đàm thoại 10/16 (tỷ lệ 62.5%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP nêu vấn đề 7/16 (tỷ lệ 43.75%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP tự nghiên cứu 7/16 (tỷ lệ 43.75%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP xêmina 6/16 (tỷ lệ 37.5%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng, PP làm việc theo nhóm 7/16 (tỷ lệ 43.75%) thường xuyên hoặc thỉnh thoảng ứng dụng.

Để lựa chọn những PP có tính hiệu quả và khả thi nhất trong việc vận dụng vào quá trình giảng dạy một số môn Lý thuyết cho SV khoa GDTC, cùng với việc nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu thực tế, TN sư phạm, đề tài đã tiến hành phỏng vấn tham khảo ý kiến các giảng viên có kinh nghiệm trong việc giảng dạy tại Khoa GDTC và 175 SV khoa GDTC về mức độ cần thiết phải ứng dụng một số PPDH tích cực vào quá trình giảng dạy. Kết quả phỏng vấn như sau:

Kết quả phỏng vấn cho thấy, phần lớn các giảng viên và SV được hỏi đều đồng ý với ý kiến rất cần thiết hoặc cần thiết phải ứng dụng các PPDH tích cực vào giảng dạy các môn Lý thuyết.

Như vậy, qua nghiên cứu tài liệu, tham khảo thực tiễn cũng như qua phỏng vấn lấy ý kiến của giảng viên và SV trong Khoa GDTC, đề tài đã đi đến lựa chọn các PP sau để ứng dụng vào giảng dạy một số môn Lý thuyết cho SV Khoa GDTC - Đại học Huế gồm: PP làm việc theo nhóm; PP hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu; PPDH nêu vấn đề; PP xêmina.

2.2. Khảo sát đầu vào và phân tích kết quả ở hai nhóm TN và đối chứng

Trước khi dạy TN, đề tài tiến hành kiểm tra 45 phút, nội dung kiểm tra là một phần tri thức với yêu cầu SV tái hiện lại tri thức và phân tích tri thức đã học.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn các giảng viên Khoa GDTC Đại học Huế về mức độ cần thiết ứng dụng PPDH tích cực (n = 16)

TT	Tên PP	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần	
		Đồng ý	Tỷ lệ %	Đồng ý	Tỷ lệ %	Đồng ý	Tỷ lệ %
1	PP làm việc theo nhóm	12	75.0	04	25.0	0.0	0.0
2	PP hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu	10	62.5	06	37.5	0.0	0.0
3	PPDH nêu vấn đề	11	68.7	03	18.3	0.0	0.0
4	PP xêmina	12	75.0	04	25.0	0.0	0.0

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn SV khoa GDTC về mức độ cần thiết ứng dụng PPDH tích cực (n = 175)

TT	Tên PP	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần	
		Đồng ý	Tỷ lệ %	Đồng ý	Tỷ lệ %	Đồng ý	Tỷ lệ %
1	PP làm việc theo nhóm	140	80.00	22	12.6	13	7.4
2	PP hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu	132	75.4	28	16.0	15	8.6
3	PPDH nêu vấn đề	136	77.7	25	14.3	14	8.0
4	PP xêmina	129	73.7	27	15.4	19	10.9

Bảng 3. Bảng phân phối tỷ lệ phần trăm kiểm tra đầu vào theo mức độ đánh giá

Nhóm	Số SV	Yếu-Kém (%)	TB (%)	Khá (%)	Giỏi (%)
TN	63	25.40	47.62	20.63	6.35
ĐC	55	25.45	52.72	12.73	9.10

Căn cứ vào bảng 3 cho thấy tỷ lệ giữa các mức độ điểm số gần tương tự nhau. Để có cơ sở chính xác hơn về trình độ ban đầu giữa 2 nhóm TN và ĐC, đề tài đã tìm hiểu độ phân tán điểm số so với điểm trung bình cộng của lớp ĐC, TN bằng cách đặt ra giả thuyết. “sự khác nhau giữa kết quả điểm trung bình cộng của 2 lớp ĐC và TN là không có ý nghĩa”. Dùng đại lượng kiểm định T(Student) để kiểm tra giả thuyết: TKĐ, S2, S.

Từ bảng phân phối các tham số đặc trưng (bảng 4) ta có: $S12 = 2.06$, $S22 = 2.28$

Sử dụng các giá trị để tính đại lượng T kiểm định. Kết quả của nhóm TN và ĐC trước TN là tương đương nhau (sự khác nhau giữa các điểm trung bình cộng của lớp TN và lớp ĐC cũng tương đương nhau).

2.3. Kiểm tra, đánh giá TN lần 1 ở hai nhóm TN và ĐC

Sau thời gian áp dụng một số PPDH tích cực vào giảng dạy cho nhóm TN, đề tài tiến hành đánh giá kết quả 2 nhóm thông qua bài kiểm tra 45 phút (học phần PP nghiên cứu khoa học) và thu được kết quả như sau:

Từ bảng 5 và 6, chúng ta nhận thấy rằng: Sự khác biệt giữa điểm số ở các mức Yếu - Kém, TB, Khá, Giỏi ở hai nhóm cũng có tỷ lệ chênh lệch đáng kể (Kết quả TN cho thấy lớp TN có kết quả cao hơn lớp ĐC)

Kết quả này cũng chứng tỏ PPDH tích cực của đề tài sử dụng đã phát huy được hiệu quả trong quá trình học tập, nhận thức của SV.

Sử dụng các giá trị để tính đại lượng T kiểm định. Kết quả của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là có ý nghĩa về toán thống kê hay tác động TN sư phạm là có kết quả.

2.4. Kiểm tra, đánh giá TN lần 2 ở hai nhóm TN và ĐC

Sau thời gian áp dụng một số PPDH tích cực vào giảng dạy cho nhóm TN (thời điểm gần kết thúc môn học), đề tài tiến hành đánh giá kết quả 2 nhóm thông qua bài kiểm tra 45 phút (học phần PP nghiên cứu khoa học) và thu được kết quả như sau:

Từ bảng 7, 8 cho thấy: Sự khác biệt giữa điểm số ở các mức Yếu - Kém, TB, Khá, Giỏi ở hai nhóm cũng có tỷ lệ chênh lệch rất lớn (Kết quả TN cho thấy

Bảng 4. Phân phối các tham số có đặc trưng về kết quả kiểm tra trước TN

Nhóm	Số SV	N_i	x_i	$\bar{X}$	$x_i - \bar{X}$	$(x_i - \bar{X})^2$	$N_i(x_i - \bar{X})^2$	S^2	S
TN	63	2	2	5.5	-3.5	12.25	24.5	2.28	1.50
		5	3		-2.5	6.25	31.25		
		9	4		-1.5	2.25	20.25		
		12	5		-0.5	0.25	3.0		
		18	6		0.5	0.25	4.5		
		13	7		1.5	2.25	29.25		
		3	8		2.5	6.25	18.75		
		1	9		3.5	12.25	12.25		
ĐC	55	1	2	5.40	-3.4	11.56	11.56	2.06	1.40
		3	3		-2.4	5.76	17.28		
		10	4		-1.4	1.96	19.6		
		18	5		-0.4	0.16	2.88		
		11	6		0.6	0.36	3.96		
		7	7		1.6	2.56	17.92		
		4	8		2.6	6.76	27.04		
		1	9		3.6	12.96	12.96		

Bảng 5. Bảng phân phối tỷ lệ phần trăm kiểm tra sau TN lần 1

Nhóm	Số SV	Yếu-Kém (%)	TB (%)	Khá (%)	Giỏi (%)
TN	63	12.7	31.7	39.7	15.9
ĐC	55	21.8	49.1	16.4	12.7

Bảng 6. Bảng phân phối các tham số có đặc trưng về kết quả kiểm tra sau TN lần 1

Nhóm	Số SV	N_i	x_i	$\bar{x}$	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$N_i(x_i - \bar{x})^2$	s^2	s
TN	63	1	2	6.05	-0.05	16.4	16.4	2.56	1.6
		2	3		-3.05	9.3	37.2		
		5	4		-2.05	4.2	21		
		6	5		-1.05	1.1	6.6		
		14	6		-0.05	0.003	0.042		
		25	7		0.95	0.9	22.5		
		6	8		1.95	3.8	22.8		
		4	9		2.95	8.7	34.8		
ĐC	55	1	2	5.76	-3.76	14.1	14.1	2.36	1.5
		2	3		-2.76	7.6	15.2		
		9	4		-1.76	3.1	27.9		
		11	5		-0.76	0.6	6.6		
		16	6		0.24	0.06	0.96		
		9	7		1.24	1.5	13.5		
		4	8		2.24	5.01	20.04		
		3	9		3.24	10.5	31.5		

Bảng 7. Bảng phân phối tỷ lệ phần trăm kiểm tra sau TN lần 2

Nhóm	Số SV	Yếu-Kém (%)	TB (%)	Khá (%)	Giỏi (%)
TN	63	7.9	28.6	42.9	20.6
ĐC	55	14.5	47.3	23.7	14.5

Bảng 8. Phân phối các tham số đặc trưng về kết quả kiểm tra sau TN lần 2

Nhóm	Số SV	N_i	x_i	$\bar{x}$	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$N_i(x_i - \bar{x})^2$	s^2	s
TN	63	1	2		-4.95	24.5	24.5	2.3	1.52
		2	3		-3.95	15.6	31.2		
		2	4		-2.95	8.7	17.4		
		6	5		-1.95	3.8	22.8		
		12	6		-0.95	0.925	10.8		
		27	7		0.005	0.0025	0.07		
		8	8		1.05	1.1025	8.8		
		5	9		2.05	5.625	28.13		
ĐC	55	1	2		-4.15	17.2225	17.2225	2.5	1.58
		2	3		-3.15	9.9225	34.4		
		5	4		-2.15	4.6225	23.1		
		9	5		-1.15	1.3225	11.9		
		17	6		-0.15	0.0225	0.38		
		13	7		0.85	0.7225	9.39		
		5	8		1.85	3.4225	17.1		
		3	9		2.85	8.1225	24.4		

lớp TN có kết quả cao hơn lớp ĐC).

Kết quả của nhóm TN lần 2 cao hơn nhóm ĐC là có ý nghĩa về toán thống kê hay tác động TN sư phạm là có kết quả.

Như vậy, đề tài cho thấy sau khi sử dụng các PPDH tích cực thì tỷ lệ SV giữa hai nhóm (ĐC và TN) có sự khác biệt rõ ràng: Sự khác biệt giữa điểm số ở các mức Yếu - Kém, TB, Khá, Giỏi ở hai nhóm: Nhóm TN có tỷ lệ SV đạt điểm cao hơn nhóm ĐC cụ thể là: Điểm giỏi lớp TN chiếm 20.6% cao hơn hẳn so với lớp đối chứng chiếm 14.5%. Điểm Khá lớp TN chiếm 42.9% cao hơn hẳn so với lớp đối chứng chiếm 23.7%. Điểm Trung bình lớp TN chiếm 28.6% thấp hơn hẳn so với lớp đối chứng chiếm 47.3%. Điểm Yếu - Kém lớp TN chiếm 7.9% thấp hơn hẳn so với lớp đối chứng chiếm 14.5%.

3. KẾT LUẬN

Qua thực tế khảo sát và nghiên cứu, đề tài đã đánh giá thực trạng của việc ứng dụng PPDH các môn Lý thuyết ở đơn vị hiện nay và lựa chọn được 4 PPDH tích cực để ứng dụng vào giảng dạy một số môn Lý thuyết cho SV Khoa GDTC - Đại học Huế.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu, đề tài tiến hành TN để khẳng định tính cấp thiết, khả thi của PPDH tích cực và thực tiễn cho thấy nó đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ở Khoa GDTC, Đại học Huế. Kết quả này chứng tỏ PPDH tích cực của đề tài sử dụng đã phát huy được hiệu quả cao trong quá trình học tập, nhận thức của SV.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Vũ (1993), *Đổi mới PP dạy học theo hướng tăng cường hoạt động độc lập của SV*, Tạp chí Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, số 8/1993, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bảo (1993), *Phát huy tính tích cực, tính tự học của học sinh trong quá trình dạy học, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên, chu kỳ 1993 – 1996 cho giáo viên phổ thông trung học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
3. Trần Bá Hoàn (1996), *Đặc trưng phương pháp dạy học tích cực*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 7/1996.
4. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai. Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc Gia.
5. Lê Quang Sơn (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường đại học, cao đẳng*, Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng viên, Đại học Đà Nẵng, Lưu hành nội bộ.

Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu và lựa chọn một số phương pháp dạy học tích cực để áp dụng vào giảng dạy một số môn lý thuyết cho sinh viên Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế”, chủ nhiệm đề tài: Lê Anh Dũng, Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế, 2015.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11/9/2020; ngày phản biện đánh giá: 6/12/2020; ngày chấp nhận đăng: 9/1/2021)